

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2026/DS-PT

Ngày 23-01-2026

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất; yêu
cầu di dời cây trồng trên đất; yêu cầu bồi
thường tiền đền bù thu hồi đất; yêu cầu
chấm dứt hành vi tranh chấp

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Long Kiếm.

Các Thẩm phán: Ông Lộc Sơn Thái

Bà Nguyễn Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Phương Chi - Thư ký viên Tòa án nhân dân, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Vi Đức Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 10 năm 2025 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; yêu cầu di dời cây trồng trên đất tranh chấp; yêu cầu bồi thường tiền đền bù thu hồi đất; yêu cầu chấm dứt hành vi tranh chấp đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Lạng Sơn, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2025/QĐ-PT, ngày 03/11/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2025/QĐ-PT, ngày 21/11/2025; Thông báo chuyển thời gian xét xử số 34/TB-TA, ngày 08/12/2025; Thông báo chuyển thời gian xét xử số 38/TB-TA, ngày 26/12/2025 của TAND tỉnh Lạng Sơn, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn C, sinh năm 1955, Căn cước công dân số 0660550051** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 21/9/2022; địa chỉ: Thôn B, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng; nơi ở hiện nay: Thôn B, xã M, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Hoàng Văn C: Ông Bế Quang H, Văn phòng Luật sư H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Bị đơn: Bà Hoàng Thị V, sinh năm 1974, Căn cước công dân số 0201740054** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 10/5/2021; địa chỉ: Thôn N, xã K, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Lành Thị X, sinh năm 1955; Căn cước công dân số 0661550056** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 12/4/2022;

Anh Hoàng Văn B, sinh năm 1976; anh Hoàng Văn N, sinh năm 1984;

Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1988; Căn cước công dân số 0201880104** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 12/8/2021;

Chị Hoàng Thị B, sinh năm 1993; Căn cước công dân số 0201940098** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 01/11/2022;

Cùng địa chỉ: Thôn *, xã E, tỉnh Đắk Lắk; đều vắng mặt.

+ Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1977. Căn cước công dân số 0201770018** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 25/4/2021; địa chỉ: Thôn B, xã M, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

+ Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1996; chị Hoàng Thị P, sinh năm 1998; anh Hoàng Văn M, sinh năm 2001; anh Hoàng Ngọc S, sinh năm 2003; cùng địa chỉ: Thôn N, xã K, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

+ Ông Nông Văn P, sinh năm 1965, bà Trần Thị T; cùng địa chỉ: Thôn N, xã K, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

+ Anh Nông Văn C, sinh năm 1990, chị Vi Thị T, sinh năm 1994; cùng địa chỉ: Thôn N, xã K, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo ủy quyền bà Hoàng Thu T, chuyên viên phòng Kinh tế xã K (văn bản ủy quyền số 149/QĐ-UBND, ngày 31/7/2025); vắng mặt.

+ Ban Chỉ huy Bộ đội BP, Bộ CHQS tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo pháp luật: Đại tá Đào Quốc T – Chỉ Huy trưởng; vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Hoàng Văn C là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Hoàng Văn C, có vợ bà Lành Thị X, họ có 05 người con là anh Hoàng Văn B, anh Hoàng Văn N, chị Hoàng Thị H, chị Hoàng Thị B, chị Hoàng Thị N.

Bị đơn bà Hoàng Thị V có chồng là ông Hoàng Văn S (đã chết năm 2011); ông Hoàng Văn Đ (chết năm 2009) và bà Hoàng Thị M (chết năm 2023) là bố mẹ chồng của bà Hoàng Thị V. Ông Hoàng Văn S và bà Hoàng Thị V có 04 người con là chị Hoàng Thị D, chị Hoàng Thị P, anh Hoàng Văn M, anh Hoàng Ngọc S.

Diện tích đất tranh chấp được chia làm 04 khu, có tổng diện tích là 27.383,5m². Trong đó khu 4 là Trạm Kiểm soát Biên phòng N đang thực tế quản lý và sử dụng, bao gồm: Diện tích đất 9.639,7 m² thuộc một phần thửa đất số 18, tờ bản đồ 01 (ký hiệu thửa tạm 18.3) và diện tích đất 823,1 m² thuộc một phần thửa đất số 34, tờ bản đồ 01 (ký hiệu thửa tạm 34.2), bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T. Nguyên đơn rút đối với diện tích 19.798,4 m², diện tích tranh chấp còn lại là 7.585,1 m², tài sản trên đất gồm có 500 cây thông, ngoài ra không có cây gì khác. Theo biên bản định giá tài sản diện tích đất tranh chấp là đất rừng sản xuất, khu vực IV có giá 5.000đ/m². Tổng tài sản trên đất là 57.776.000 đồng.

Nguyên đơn ông Hoàng Văn C trình bày: Về nguồn gốc đất tranh chấp: Năm 1996 ông được Nhà nước giao 02 lô đất, gồm lô đất số 211 có diện tích là 3,2ha tại khu đồi Pvà lô đất số 230 có diện tích là 5,8ha tại đồi S. Ông không nhớ là giao theo dự án gì và ông đã được cấp Sổ bìa xanh năm 1996. Hiện nay sổ bìa xanh đã bị thu hồi để cấp sang bìa đỏ, tuy nhiên gia đình ông chưa đi kê khai và chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tranh chấp. Về quá trình quản lý và sử dụng: Trước khi ông được giao đất năm 1996 thì trên đất đã có một số cây thông to, sau khi giao đất vào năm 1997, 1998 thì vợ chồng ông có trồng thông trên đất tranh chấp, nhưng trồng bao nhiêu cây, trồng năm nào thì ông không nhớ và không có ai hộ trồng. Giống cây thông trồng là do ông đi nhặt cây con ở các đồi khác về trồng và không trồng thêm. Năm 1999 cả gia đình ông chuyển vào miền nam sinh sống thì ông có giao lại cho con gái là chị Hoàng Thị N trông hộ, quản lý, có làm giấy tờ trông hộ nhưng bị mất. Từ khi được giao đất, chị Hoàng Thị N cũng không trồng cây gì trên đất, chỉ quản lý những cây đã có sẵn từ trước. Năm 2010 có người báo cho ông là đất của ông bị bà Hoàng Thị V chiếm đất, nên ông có làm đơn về thôn, xã giải quyết, sau đó vụ việc được hòa giải nhiều lần nhưng đều không thành. Do bà Hoàng Thị V đã khai thác thông nhiều lần để bán nên hiện nay trên đất không có cây thông của ông trồng. Hiện nay trên đất tranh chấp có khoảng 700 cây thông, có nhiều đường kính khác nhau, cây to nhất có đường kính khoảng 30cm, cây nhỏ có đường kính khoảng 10cm, ông không nắm được cây thông này do ai trồng hay do tự mọc, ngoài ra không có cây gì khác. Khi bà Hoàng Thị V khai thác cây trên đất do ông ở xa, không có ai báo và con gái là chị Hoàng Thị N cũng ở xa, không biết chữ, không có điện thoại nên không biết. Năm 2010 khi Nhà nước thu hồi đất để làm Trạm Kiểm soát Biên phòng N, bà Hoàng Thị V là người nhận tiền bồi thường nhưng ông không biết bà Hoàng Thị V nhận tiền bồi thường khi nào. Hiện nay trên đất vẫn đang có Trạm Kiểm soát Biên phòng N. Diện tích đất bị thu hồi khoảng hơn 6000m² nên hiện nay diện tích đất tranh chấp còn khoảng 25.000m². Trong quá trình giải quyết vụ án và sau khi có kết quả đo đạc: Ông yêu cầu bà Hoàng Thị V trả lại cho ông quản lý và sử dụng diện tích đất tranh chấp là 7.585,1m². Ông rút yêu cầu không yêu cầu quản lý, sử dụng đối với tổng diện tích là: 19.798,4m², cụ

thê: Diện tích đất là 551,0m² thuộc một phần thửa đất tạm số 18.1; diện tích đất là 130,0m², thuộc thửa đất tạm số 18.1; diện tích đất là 3.399,2m² thuộc một phần thửa đất tạm số 18.2; diện tích đất là 804,8m² thuộc một phần thửa đất tạm số 32.1; diện tích đất là 4.415,5m² thuộc thửa đất tạm số 34.1; diện tích đất là 26,1m² thuộc thửa đất tạm số 33.1; diện tích đất là 9.639,7 m², thuộc thửa đất tạm số 18.3; diện tích đất 832,1m², thuộc thửa đất tạm số 34.2, tờ bản đồ 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay thuộc xã K, tỉnh Lạng Sơn). Về tài sản trên đất: Ông không xác định được cây thông trên đất mọc tự nhiên hay do bà Hoàng Thị V trồng nên không yêu cầu sở hữu cây trên đất, yêu cầu bà Hoàng Thị V phải di dời toàn bộ cây thông trên đất tranh chấp để trả lại đất cho ông quản lý, sử dụng; yêu cầu bà Hoàng Thị V trả lại số tiền bồi thường đền bù thu hồi đất là 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng) đối với diện tích bị thu hồi là 6.675m² và không yêu cầu tính lãi; buộc bị đơn phải chấm dứt hành vi tranh chấp đất.

Bị đơn bà Hoàng Thị V trình bày: Về nguồn gốc đất tranh chấp là do ông cha để lại cho bố mẹ chồng và bố mẹ chồng để lại cho vợ chồng bà quản lý và sử dụng từ năm 1995 (bố chồng tên là Hoàng Văn Đ đã chết năm 2009 và mẹ chồng tên là Hoàng Thị M đã chết vào năm 2023, chồng bà tên là ông Hoàng Văn S đã chết năm 2011). Khi chia không có giấy tờ gì chỉ nói bằng miệng chia cho 03 anh em, không có diện tích cụ thể là bao nhiêu, chia bằng cách bốc thăm, ai bốc trúng lô nào thì lấy lô đất đó bao gồm cả đất đồi và đất ruộng. Vợ chồng bà bốc trúng lô đất đang tranh chấp hiện nay. Về quá trình quản lý và sử dụng: Khi chia trên đất đã có lác đác cây thông, các cây thông này là do bố mẹ chồng trồng nhưng bà không nắm được trồng năm nào và trồng bao nhiêu cây. Trước đó bố mẹ chồng bà đã khai thác hai lần, sau đó mới giao lại cho vợ chồng bà. Từ năm 1995 vợ chồng bà trồng khoảng 200 cây thông trên đất, giống cây là do đi nhặt ở các đồi khác. Năm 2010 có một mình bà trồng khoảng 10 cây thông giáp cạnh bờ rào của Trại Biên phòng N, ngoài ra không trồng thêm. Từ năm 1995 đến nay gia đình bà chưa khai thác gỗ thông, chỉ tiến hành khai thác nhựa thông liên tục từ khoảng năm 2009 đến năm 2022, còn năm 2023, 2024 do chân bà bị đau nên tạm dừng khai thác nhựa thông. Hiện nay trên đất chỉ có cây thông ngoài ra không có cây gì khác. Do điều kiện kinh tế của gia đình còn khó khăn và cả làng có đất ở khu đồi này chưa ai đi kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà chưa đi kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất tranh chấp. Đối với phần đất ruộng giáp ranh với diện tích đất tranh chấp thì gia đình bà đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hàng năm gia đình vẫn thường xuyên trồng lúa, đến năm 2010 thì gia đình bà không trồng lúa tiếp do Biên phòng san ủi đất để làm nhà trên phần đất bị thu hồi, đổ xuống ruộng của gia đình bà. Gia đình bà có tất cả là 04 khu đồi, 03 khu đồi là do bố mẹ chồng bà chia cho đều chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 01 khu đồi là do Nhà nước giao đã được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2010, Trại Kiểm soát Biên phòng N có thực hiện dự án làm đường biên giới đi qua một phần đất của gia đình bà nên đã thu hồi diện tích đất của gia đình bà nhưng thu hồi diện tích bao nhiêu thì bà không nắm được, gia đình bà nhất trí để Nhà nước thu hồi và đền bù tiền. Đối với số tiền bồi thường theo Dự án trên thì bà đã được nhận tiền bồi thường là 248.208.000 đồng (hai trăm bốn

mười tám triệu hai trăm linh tám nghìn đồng), bao gồm bồi thường cả đất rừng, đất ruộng và hoa màu. Bà không nhớ nhận tiền tại đâu do thời gian đã lâu, các giấy tờ nhận tiền do mẹ chồng bà giữ và đã bị đốt hết. Sau khi nhận tiền thì không có ai ý kiến tranh chấp hay khiếu nại gì với bà. Gia đình bà không tranh chấp đất với gia đình ông Nông Văn P và Trạm Biên phòng N. Trên đất có 02 ngôi mộ là của gia đình ông Nông Văn C, bà không yêu cầu quản lý và sử dụng, mà để gia đình ông Nông Văn C tiếp tục quản lý đối với phần diện tích của 02 ngôi mộ này. Gia đình bà ngoài diện tích đất bị thu hồi để xây dựng Trạm Biên phòng N thì ngoài ra không còn bị thu hồi diện tích đất nào khác. Đối với các cọc được đóng xung quanh đất của Trạm Kiểm soát Biên phòng N là ranh giới của diện tích đất tranh chấp với đất của Trạm Kiểm soát Biên phòng N là do bà đóng, không ai có ý kiến gì. Năm 2024 thì gia đình ông Hoàng Văn C mới tranh chấp với gia đình bà, còn trước năm 2024 ông Hoàng Văn C không tranh chấp gì và chính quyền địa phương chưa giải quyết lần nào. Đất tranh chấp hiện nay bà vẫn đang quản lý và sử dụng nên bà không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn C đưa ra.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lành Thị X, anh Hoàng Văn B, anh Hoàng Văn N, chị Hoàng Thị H, chị Hoàng Thị B, chị Hoàng Thị N trình bày: Điều nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn C.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị D, anh Hoàng Văn M, anh Hoàng Ngọc S, chị Hoàng Thị P trình bày: Nhất trí với ý kiến của bà Hoàng Thị V. Do công việc bận nên đều đề nghị giải quyết vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nông Văn P, bà Trần Thị T trình bày: Năm 1996, ông được Nhà nước giao một lô đất tại khu đồi P, không nhớ số lô bao nhiêu chỉ nhớ là đã tiến hành bóc thăm cả làng tại nhà ông Nông Văn T1 là Trưởng thôn thời điểm đó và ông Hoàng Văn C cũng nhận một lô đất giáp liền kề với lô đất của gia đình ông. Trước khi nhận đất thì trên đất không có cây thông chỉ có một số cây cỏ dại. Từ sau khi giao đất năm 1996 thì gia đình ông không trồng cây gì trên đất, các cây thông trên đất đều mọc tự nhiên và hiện nay ông đang cạo nhựa thông. Còn ông Hoàng Văn C năm 1996 sau khi nhận đất thì không trồng cây gì trên đất chỉ quản lý, tuy nhiên ông không thấy ông Hoàng Văn C và gia đình ông Hoàng Văn C lên trồng cây và quản lý lần nào. Ông không thấy gia đình nhà bà Hoàng Thị V trồng cây gì trên đất, chỉ biết là gia đình bà Hoàng Thị V khai thác nhựa thông từ khoảng năm 2015-2016, còn phần đất của gia đình ông đã cạo nhựa thông từ năm 2019 cho đến nay. Phần đất mà gia đình ông đã cạo nhựa thông thì gia đình ông quản lý, còn phần đất gia đình ông không cạo nhựa thông thì gia đình ông không yêu cầu quản lý vì là ngoài ranh giới hàng cây tre.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nông Văn C, chị Vi Thị T trình bày: Diện tích đất tranh chấp giữa gia đình ông Hoàng Văn C và gia đình bà Hoàng Thị V hiện nay thì trên đất có 02 (hai) ngôi mộ của gia đình anh chị quản lý, 01 ngôi mộ của bố anh là ông Nông Văn P và 01 ngôi mộ của anh trai của anh là ông Nông Văn H, được chôn cất vào năm 2005 và năm 2014. Việc chôn cất của bố và anh trai đều do mẹ làm (đã chết năm 2016) lo liệu nên anh, chị không biết

việc chôn cất trên diện tích đất tranh chấp hiện nay có hỏi ai không. Từ khi chôn cất 02 ngôi mộ trên cho đến nay không ai có ý kiến gì, bà Hoàng Thị V không có ý kiến gì. Hàng năm gia đình anh, chị vẫn tảo mộ, quản lý mộ, có thấy gia đình bà Hoàng Thị V cạo nhựa thông trên đất tranh chấp. Ngoài ra không trồng cây gì trên đất, còn ông Hoàng Văn C không thấy quản lý. Về diện tích đất của 02 ngôi mộ trên, anh, chị vẫn tiếp tục quản lý, không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án, sẽ thoả thuận với ông Hoàng Văn C và bà Hoàng Thị V sau.

Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Lạng Sơn trình bày: Qua kiểm tra hồ sơ địa chính đất lâm nghiệp xã T, các thửa đất số 18, 34, tờ bản đồ số 01 – bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, quy chủ Ủy ban nhân dân xã, tuy nhiên thực tế Ủy ban nhân dân xã không quản lý, sử dụng; thửa đất số 32, 33, tờ bản đồ số 01 trên, không quy chủ, Ủy ban nhân dân xã không quản lý, sử dụng. Đối với thửa đất số 18, tờ bản đồ số 01: Tại Thông báo số 26/TB-UBND ngày 15/7/2024 của Ủy ban nhân dân xã T thông báo kết quả hoà giải không thành có nội dung: “Qua các biên bản xác minh, người cung cấp thông tin cho biết: Khu đất tranh chấp giữa ông Hoàng Văn C và bà Hoàng Thị V có nguồn gốc trước năm 1996 là đất chung của Hợp tác xã. Đến năm 1996 thực hiện việc giao đất, giao rừng cho người dân. Ông Hoàng Văn C có nguồn gốc Nhà C có sinh sống tại thôn Nhà C từ trước năm 1979, năm 1979 chiến tranh biên giới xảy ra ông Hoàng Văn C di cư đi nơi khác sau đó về sống ở Bản R, xã T nhưng vẫn về thôn Nhà C làm ruộng. Năm 1996 thực hiện giao đất giao rừng, thôn vẫn tiến hành chia đất cho ông Hoàng Văn C là người gốc thôn Nhà C, nhưng thời điểm bốc thăm giao đất cho ông Hoàng Văn C không có mặt nên trưởng thôn thời điểm đấy là ông Nông Văn T1 đã bốc thăm hộ ông C, kết quả đã bốc trúng lô đồi P cho ông C. Sau khi tổ chức bốc thăm giao đất, giao rừng cho ông Hoàng Văn C thì ông không về quản lý, canh tác. Gia đình bà Hoàng Thị V có ruộng liền kề khu đồi P đó nên khi ông Hoàng Văn C không về quản lý, trồng cây thì đã lên đó trồng cây và quản lý từ đó đến nay”. Qua khai thác hồ sơ, tài liệu tại Ủy ban nhân dân xã không có lưu trữ hồ sơ công trình kê bảo vệ bờ sông, suối biên giới tại thôn Nhà C, xã T. Ủy ban nhân dân xã không nhận được đơn thư khiếu nại đối với phần diện tích bị thu hồi và tiền bồi thường đối với công trình trên. Năm 2024 Ủy ban nhân dân xã T (trước khi sáp nhập) đã tiến hành hoà giải tranh chấp đất đai giữa ông Hoàng Văn C và bà Hoàng Thị V đối với một phần thửa đất số 18, tờ bản đồ số 01. Phần còn lại của thửa đất số 18, tờ bản đồ số 01 và các thửa đất liền kề số 32, 33, 34, tờ bản đồ số 01, Ủy ban nhân dân xã chưa thực hiện hoà giải. Còn từ trước năm 2024, Ủy ban nhân dân xã chưa hoà giải tranh chấp giữa ông Hoàng Văn C và bà Hoàng Thị V. Các thửa đất số 18, 32, 33, 34, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T (trước khi sáp nhập) có thể xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định. Tại khoản 4 Điều 2 quyết định số 3136/QĐ-UBND ngày 30/12/2009 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc công nhận quyền sử dụng đất, cấp đổi và cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Lâm nghiệp xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn có nội dung: “4. Các hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm nộp Giấy chứng nhận QSD đất Lâm nghiệp và sổ giao đất, giao rừng (sổ bìa xanh) đã được cấp và giao trước đây cho Ủy ban nhân dân xã T

theo đúng thời gian, kế hoạch của Ủy ban nhân dân xã. Các Quyết định về việc cấp Giấy CN – QSD đất Lâm nghiệp và các Quyết định giao đất, giao rừng (Sổ bìa xanh) cho các hộ gia đình, cá nhân tại xã T của Ủy ban nhân dân huyện trước đây hết hiệu lực thi hành”. Căn cứ nội dung Quyết định nói trên, giá trị pháp lý của hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng (sổ bìa xanh) đã cấp cho ông Hoàng Văn C lô đất số 211 với diện tích là 3,2 ha và lô đất số 210 giao cho ông Nông Văn P với diện tích 3,5 ha đã hết hiệu lực thi hành. Qua xác minh trên địa bàn thôn N, xã K không có ai là Hoàng Văn C, chỉ có ông Hoàng Văn C. Diện tích đất tranh chấp thuộc khu đồi P, còn địa danh khu đồi Pò Nim là ở khu vực khác. Diện tích đất bị thu hồi mà Trạm Kiểm soát Biên phòng N đang quản lý sử dụng ban đầu thu hồi là để thực hiện Dự án công trình kè bảo vệ bờ sông, suối biên giới tại thôn Nà C, xã T để xây dựng nhà ở cho Ban quản lý dự án và đội thi công của dự án. Sau khi dự án hoàn thành khu đất này bàn giao cho Trạm Biên phòng quản lý từ đó cho đến nay, tuy nhiên các văn bản, tài liệu thì Ủy ban nhân dân xã K không lưu giữ. Thửa đất số 18, tờ bản đồ số 154 và thửa đất số 18, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T cũ đều là cùng một tờ bản đồ, cách gọi tờ bản đồ khác nhau là do thực hiện theo phương án chỉnh lý số tờ bản đồ. Thửa đất số 18, tờ bản đồ số 154 và thửa đất số 18, tờ bản đồ số 01 trên thì đều là 01 thửa đất. Sau khi sáp nhập xã T thành xã K thì tờ bản đồ số 154 thành tờ bản đồ số 266.

Ban Chỉ huy Bộ đội BP, Bộ CHQS tỉnh Lạng Sơn trình bày: Tại công văn số 235/BCH-PNV, ngày 30/7/2025 của Ban Chỉ huy Bộ đội BP, Bộ CHQS tỉnh Lạng Sơn ý kiến về diện tích đất bị thu hồi theo Quyết định số 1338/QĐ-UBND ngày 02/11/2010 của UBND huyện L trước đây và theo Sơ họa thửa đất bị thu hồi thực hiện công trình: Kè bảo vệ bờ sông, suối biên giới tại xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn của hộ gia đình bà Hoàng Thị V: Đơn vị chưa xác định được diện tích đất hiện đang quản lý, sử dụng có nằm trong sơ họa thửa đất bị thu hồi hay không. Vì hiện nay, theo Quyết định số 3578/QĐ-BTL ngày 05/10/2020 của Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng Quyết định phê duyệt vị trí đóng quân các đơn vị thuộc Bộ Chỉ huy Bộ đội BP tỉnh Lạng Sơn, diện tích đất Trạm Kiểm soát Biên phòng N thực tế sử dụng là 10.243,80 m², chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hồ sơ tài liệu liên quan đến việc thu hồi đất. Sau khi thực hiện xong việc bồi thường theo Quyết định số 1338/QĐ-UBND ngày 02/11/2010 của UBND huyện L trước đây, đơn vị tiếp nhận, sử dụng từ khoảng tháng 11/2011 đến nay (ngày 29/7/2025). Từ khi tiếp nhận diện tích đất, công trình xây dựng trên đất đến nay, Trạm Kiểm soát Biên phòng N, Đồn Biên phòng C không nhận bất cứ đơn thư hoặc khiếu nại hay tranh chấp với tổ chức, cơ quan, đơn vị nào về toàn bộ diện tích đất, công trình xây dựng trên đất mà Trạm Kiểm soát Biên phòng N đóng quân. Về diện tích đất tranh chấp và khoản tiền bồi thường đối với diện tích đất bị thu hồi giữa nguyên đơn ông Hoàng Văn C và bị đơn bà Hoàng Thị V. Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh không có tài liệu, căn cứ, do đó không có ý kiến về nội dung này. Để đảm bảo quyền, nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, trên cơ sở tài liệu, các quy định của pháp luật, Ban Chỉ huy Bộ đội BP, Bộ CHQS tỉnh Lạng Sơn đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn được từ chối tham gia Tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 27/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5- Lạng Sơn xử:

1. Về quyền sử dụng đất, di dời tài sản trên đất

1.1 Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn C yêu cầu bà Hoàng Thị V trả lại diện tích đất tranh chấp 7.585,1m², địa chỉ: Đồi P, thôn Nà C, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã K, tỉnh Lạng Sơn) để quản lý và sử dụng, cụ thể:

Diện tích đất 3.672,5m², thuộc một phần thửa đất (tạm) số 18.1, tờ bản đồ 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã K, tỉnh Lạng Sơn), có tứ cận tiếp giáp và độ dài các cạnh thể hiện bởi hình vẽ nối các điểm P1-P2-A3-A4-A5-A6-A7-M2-M1-A8-A9-A10, thể hiện tại Phụ lục kèm theo Bản án.

Diện tích đất 3.912,6m², thuộc một phần thửa đất (tạm) số 18.2, tờ bản đồ 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã K, tỉnh Lạng Sơn), có tứ cận tiếp giáp và độ dài các cạnh thể hiện bởi hình vẽ nối các điểm A5-A11-P4-P5-P6-A18-A7-A6, thể hiện tại Phụ lục kèm theo Bản án.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu buộc bị đơn phải di dời toàn bộ cây thông trên diện tích đất nêu tại mục 1.1.

1.3. Không chấp nhận yêu cầu buộc bị đơn phải chấm dứt hành vi tranh chấp đối với diện tích đất tranh chấp và tài sản gắn liền với đất nêu tại mục 1.1.

2. Về yêu cầu trả lại tiền bồi thường đền bù thu hồi đất

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn C đối với yêu cầu bị đơn bà Hoàng Thị V trả lại tiền bồi thường đền bù thu hồi đất là 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng).

3. Đình chỉ xét xử

3.1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn C đối với diện tích đất 9.639,7m², thuộc thửa đất (tạm) số 18.3, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay thuộc xã K, tỉnh Lạng Sơn) và tài sản gắn liền với đất. Diện tích đất có tứ cận tiếp giáp và độ dài các cạnh thể hiện bởi hình vẽ nối các vị trí đỉnh thửa A2-B16-B6-B21-B17-B18-B19-B20-A11-A5-A4-A3-P2, thể hiện tại Trích đo kèm theo Bản án.

3.2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn C đối với diện tích đất diện tích đất 832,1m², thuộc thửa đất tạm số 34.2, tờ bản đồ 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay thuộc xã K, tỉnh Lạng Sơn) và tài sản gắn liền với đất. Diện tích đất có tứ cận tiếp giáp và độ dài các cạnh thể hiện bởi hình vẽ nối các vị trí đỉnh thửa A19-A26-A25-B19--B18-B17-B21, thể hiện tại Phụ lục kèm theo Bản án.

3.3. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn C đối với diện tích đất 551,0m² thuộc một phần thửa đất tạm số 18.1, tờ bản đồ 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay thuộc xã K,

tỉnh Lạng Sơn) và tài sản gắn liền với đất. Diện tích đất có tứ cận tiếp giáp và độ dài các cạnh thể hiện bởi hình vẽ nối các vị trí đỉnh thửa P1-A1-A2-P2, thể hiện tại Phụ lục kèm theo Bản án.

3.4. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn C đối với diện tích đất 130,0m² thuộc một phần thửa đất tạm số 18.1, tờ bản đồ 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay thuộc xã K, tỉnh Lạng Sơn). Diện tích đất có tứ cận tiếp giáp và độ dài các cạnh thể hiện bởi hình vẽ nối các vị trí đỉnh thửa M1-M2-A7-A8, thể hiện tại Phụ lục kèm theo Bản án.

3.5. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn C đối với diện tích đất 3.399,2m², thuộc một phần thửa đất tạm số 18.2, tờ bản đồ 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay thuộc xã K, tỉnh Lạng Sơn) và tài sản gắn liền với đất. Diện tích đất có tứ cận tiếp giáp và độ dài các cạnh thể hiện bởi hình vẽ nối các vị trí đỉnh thửa P6-P5-P4-A12-A13-B1-A17, thể hiện tại Phụ lục kèm theo Bản án.

3.6. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn C đối với diện tích đất 804,8m², thuộc một phần thửa đất tạm số 32.1, tờ bản đồ 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay thuộc xã K, tỉnh Lạng Sơn) và tài sản gắn liền với đất. Diện tích đất có tứ cận tiếp giáp và độ dài các cạnh thể hiện bởi hình vẽ nối các vị trí đỉnh thửa A13-A14-A15-A16-A17-B1, thể hiện tại Phụ lục kèm theo Bản án.

3.7. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn C đối với diện tích đất 4.415,5m² thuộc thửa đất tạm số 34.1, tờ bản đồ 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay thuộc xã K, tỉnh Lạng Sơn) và tài sản gắn liền với đất. Diện tích đất có tứ cận tiếp giáp và độ dài các cạnh thể hiện bởi hình vẽ nối các vị trí đỉnh thửa A19-A20-A22-P8-A23-P7-A24-A25-A26, thể hiện tại Phụ lục kèm theo Bản án.

3.8. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn C đối với diện tích đất 26,1m² thuộc thửa đất tạm số 33.1, tờ bản đồ 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay thuộc xã K, tỉnh Lạng Sơn) và tài sản gắn liền với đất. Diện tích đất có tứ cận tiếp giáp và độ dài các cạnh thể hiện bởi hình vẽ nối các vị trí đỉnh thửa A20-A21-A22, thể hiện tại Phụ lục kèm theo Bản án.

Đương sự có quyền khởi kiện lại yêu cầu Tòa án giải quyết đối với diện tích đất tại mục 3.1, 3.2, 3.3, 3.4, 3.5, 3.6, 3.7 và mục 3.8.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, nguyên đơn ông Hoàng Văn C kháng cáo yêu cầu được hưởng ½ giá trị đất tranh chấp là 7.585,1m² tính thành tiền là 37.926.000 đồng theo giá của Hội đồng định giá là 5.000 đồng/m², ông Hoàng Văn C yêu cầu được hưởng 18.000.000 đồng và yêu cầu được hưởng ½ tiền bồi thường đền bù thu hồi đất đối với diện tích đất bị thu hồi là 6.674m² là 180.000.000 đồng, ông

Hoàng Văn C yêu cầu được hưởng 90.000.000 đồng. Tổng cộng yêu cầu bà Hoàng Thị V phải trả cho ông số tiền là: 108.000.000 đồng; Về chi phí tố tụng đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu nội dung kháng cáo; bị đơn không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, yêu cầu giữ nguyên nội dung Bản án sơ thẩm. Nguyên đơn và bị đơn giữ nguyên nội dung ý kiến đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; có đương sự vắng mặt nhưng đã có đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Về việc giải quyết kháng cáo: Bản án tuyên ngày 27/8/2025, kháng cáo của nguyên đơn Hoàng Văn C nộp qua bưu điện ngày 10/9/2025 là trong thời hạn luật định, nên kháng cáo là hợp lệ. Nguyên đơn ông Hoàng Văn C được Nhà nước giao đất theo hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng, ngày 03/10/1996 đối với lô đất số 211, diện tích là 3,2ha, địa danh đồi P, nhưng không nhận đất, không có quá trình quản lý, sử dụng đất, không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của người được giao quản lý, bảo vệ rừng và phát triển rừng. Hiện trên đất tranh chấp chỉ có tài sản do bị đơn tạo lập, quản lý và sử dụng, hoàn toàn không có tài sản của nguyên đơn. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về việc nguyên đơn phải được hưởng 1/2 giá trị đất và 1/2 tiền bồi thường thu hồi đất.

Về chi phí tố tụng trong vụ án: Nguyên đơn không được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên nguyên đơn phải chịu chi phí tố tụng là phù hợp, đúng quy định tại Điều 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các nội dung khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, mặt khác quyết định là phù hợp đúng quy định nên không xem xét.

Từ những phân tích đánh giá nêu trên. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Hoàng Văn C; giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 27/8/2025 của TAND Khu vực 5, tỉnh Lạng Sơn. Nguyên đơn là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí phúc thẩm nên được miễn án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa được triệu tập hợp lệ lần hai, có người tham gia tố tụng vắng mặt nhưng đã có đề nghị xét xử vắng mặt hoặc từ chối tham gia tố tụng; có người vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[2] Xét về nguồn gốc, quá trình quản lý và sử dụng diện tích đất tranh chấp: Nguyên đơn cho rằng năm 1996 ông được Nhà nước giao 02 lô đất, gồm lô đất số 211 có diện tích là 3,2ha tại khu đồi Plà lô đất đang tranh chấp hiện nay và lô đất số 230 có diện tích là 5,8ha tại đồi S, được cấp sổ bìa xanh vào năm 1996, trong đó bao gồm cả phần diện tích đất đã bị thu hồi để xây dựng Trạm Kiểm soát Biên phòng N. Năm 1997, 1998 vợ chồng ông có trồng thông trên đất tranh chấp, nhưng không nhớ trồng bao nhiêu cây và trồng năm nào. Năm 1999 cả gia đình ông chuyển vào miền nam sinh sống, ông đã giao cho con gái là chị Hoàng Thị N trông hộ, việc giao chỉ nói bằng miệng, không có giấy tờ. Từ khi giao cho con gái ông không quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp. Năm 2000 chị Hoàng Thị N có lên phần diện tích đất tranh chấp trồng cây nhưng do ông Hoàng Văn S (chồng bà Hoàng Thị V) ngăn cản nên từ đó đến nay chị không quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp.

[3] Bị đơn cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp là của bố mẹ chồng bà chia cho vợ chồng bà quản lý, sử dụng từ năm 1995, chia bằng miệng, hình thức bốc thăm. Năm 1995, vợ chồng bà đã trồng khoảng 200 cây thông trên đất, giống cây đi nhặt ở các đồi khác về trồng. Năm 2010 một mình bà trồng khoảng 10 cây thông giáp cạnh bờ rào của Trạm biên phòng, ngoài ra không trồng thêm. Trước năm 1995 bố mẹ chồng bà đã khai thác gỗ thông hai lần, từ năm 1995 gia đình bà chưa khai thác gỗ thông, chỉ cạo nhựa thông liên tục từ khoảng năm 2009 đến năm 2022, năm 2023, 2024 thì tạm dừng khai thác nhựa thông.

[4] Tại Biên bản xác minh với người biết về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của khu đất đang tranh chấp giữa ông Hoàng Văn C và bà Hoàng Thị V ngày 03/7/2024 của Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã K, tỉnh Lạng Sơn) đã xác minh với ông Nông Văn T là Trưởng thôn Nà C thời điểm năm 1996 và ông Hà Văn G là người biết về nguồn gốc đất tranh chấp đều cho rằng: Năm 1996, thời điểm bốc thăm lô đất tranh chấp, ông Hoàng Văn C không có mặt tại thôn Nà C nên ông Nông Văn T là Trưởng thôn thời điểm đó bốc thăm hộ cho ông Hoàng Văn C và bốc trúng lô đất ở đồi P, tuy nhiên ông Hoàng Văn C không về nhận đất và không trồng cây trên đất. Bà Hoàng Thị V có đất ruộng liền kề nên đã trồng cây và quản lý từ đó cho đến nay. Tại Biên bản xác minh thực địa vụ việc tranh chấp đất đai giữa ông Hoàng Văn C và bà Hoàng Thị V, ngày 25/6/2025 của Ủy ban nhân dân xã T thể hiện ông Hoàng Văn C không xác định được ranh giới rõ ràng, chỉ biết là 3,2ha theo sổ bìa xanh mà Nhà nước giao năm 1996. Tại biên bản xác minh ngày 14/8/2025 với ông Nông Văn Đ - Trưởng Thôn N, xã K, tỉnh Lạng Sơn thể hiện năm 1996 ông Hoàng Văn C có được giao 02 lô đất, trong đó có 01 lô đất đang tranh chấp hiện nay, tuy nhiên gia đình ông Hoàng Văn C không quản lý, gia đình bà Hoàng Thị V được cạo nhựa thông trên đất. Tại thôn Nà C, xã T (cũ) từ trước đến nay không có ai tên là Hoàng Văn C, chỉ có ông Hoàng Văn C, chính là ông Hoàng Văn C, người được

giao lô đất số 211, diện tích là 3,2ha tại đồi P và hiện đang tranh chấp đất với bà Hoàng Thị V.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn thấy: Về nguồn gốc đất tranh chấp ông Hoàng Văn C được Nhà nước giao đất theo hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng, ngày 03/10/1996 đối với lô đất số 211, diện tích là 3,2ha, địa danh đồi P, thuộc đất rừng sản xuất, trạng thái rừng Ia, nhưng không có quá trình quản lý, sử dụng đất tranh chấp liên tục theo quy định của pháp luật đất trồng rừng không sử dụng 24 tháng liên tục có thể bị thu hồi. Ngoài lời trình bày nguyên đơn cũng không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh về quá trình quản lý, sử dụng của mình. Bị đơn bà Hoàng Thị V không chứng minh được nguồn gốc đất tranh chấp là do ông cha để lại, nhưng có căn cứ về quá trình quản lý, sử dụng khai thác nhựa thông trên đất tranh chấp liên tục, công khai.

[6] Cả nguyên đơn và bị đơn đều chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tranh chấp. Trước đây gia đình nguyên đơn ông Hoàng Văn C được Nhà nước giao đất theo hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng, ngày 03/10/1996, tuy nhiên đã bị thu hồi theo quy định tại khoản 4 Điều 2 quyết định số 3136/QĐ-UBND ngày 30/12/2009 của UBND huyện L cũ, tỉnh Lạng Sơn về việc công nhận quyền sử dụng đất, cấp đổi và cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Lâm nghiệp xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn có nội dung: *“4. Các hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Lâm nghiệp và sổ giao đất, giao rừng (sổ bì xanh) đã được cấp và giao trước đây cho Ủy ban nhân dân xã T theo đúng thời gian, kế hoạch của UBND xã. Các Quyết định về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Lâm nghiệp và các Quyết định giao đất, giao rừng (Sổ bì xanh) cho các hộ gia đình, cá nhân tại xã T của Ủy ban nhân dân huyện trước đây hết hiệu lực thi hành”*. Đến nay chưa được cấp mới, cấp đổi đối với phần diện tích đất trên.

[7] Theo chính sách, pháp luật đất đai của Nhà nước ta qua các thời kỳ thì đất đai thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước thống nhất quản lý. Trước khi Luật Đất đai năm 1993 ra đời, Nhà nước không xác lập quyền sử dụng đất cho cá nhân, hộ gia đình (Luật Đất đai năm 1987). Các bên đương sự không chứng minh được việc đã sử dụng đất tranh chấp trước khi Luật Đất đai năm 1993 có hiệu lực pháp luật (ngày 15/10/1993); các đương sự đều không đủ điều kiện được xác lập quyền sử dụng đất theo Luật đất đai năm 1993. Căn cứ vào quá trình sử dụng đất và nội dung tranh chấp giữa các bên, bị đơn có đủ điều kiện để xem xét xác lập quyền sử dụng đất theo Điều 101 Luật đất đai năm 2013. Nguyên đơn được Nhà nước giao đất theo hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng, ngày 03/10/1996. Tuy nhiên, không có quá trình quản lý, sử dụng đất tranh chấp liên tục theo quy định của pháp luật (đất trồng rừng không sử dụng 24 tháng liên tục có thể bị thu hồi); đồng thời, trước khi xảy ra tranh chấp hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng của nguyên đơn cũng đã bị thu hồi như đã nêu trên.

[8] Tại hồ sơ kèm theo Quyết định số: 1338/QĐ-UBND, ngày 02/11/2010 của Ủy ban nhân dân huyện L trước khi sáp nhập Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và

tái định cư Công trình: Kè bảo vệ bờ sông, biên giới tại thôn Nà C, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thu thập thể hiện tại Biểu tổng hợp dự toán, bồi thường, hỗ trợ thực hiện công trình trên có tên bà Hoàng Thị V tiền đất là 229.140.000 đồng, tiền cây cối hoa màu là 19.068.000 đồng, tổng cộng là 248.208.000 đồng. Tổng diện tích đất bị thu hồi là 8.474,0m² bao gồm đất trồng rừng, đất vườn, đất ruộng, không có tên của ông Hoàng Văn C. Nguyên đơn ông Hoàng Văn C cho rằng diện tích đất tranh chấp và diện tích đất Trám Kiểm soát Biên phòng N đang quản lý, sử dụng nằm trong cùng một lô đất số 211, có diện tích là 3,2ha được Nhà nước giao cho ông quản lý và sử dụng vào năm 1996. Khi Nhà nước thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ đền bù thu hồi đất theo Quyết định số 1338 Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Công trình: Kè bảo vệ bờ sông, biên giới tại thôn Nà C, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và chi tiền đền bù cho bà Hoàng Thị V. Tuy nhiên, tại thời điểm thu hồi đất nguyên đơn ông Hoàng Văn C sinh sống trong miền nam và năm 2010 khi phát hiện việc bà Hoàng Thị V được nhận tiền bồi thường, ông không có đơn khiếu nại Quyết định trên với cơ quan có thẩm quyền, không đưa ra được căn cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, do đó không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo.

[9] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận, Tòa án cấp sơ thẩm xác định nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản đối với phần diện tích đất tranh chấp và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, chồng ghép bản đồ đối với phần diện tích rút yêu cầu là phù hợp.

[10] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí có giá ngạch tuy nhiên, nguyên đơn thuộc diện người cao tuổi và có đơn miễn án phí nên cấp sơ thẩm đã miễn án phí cho bị đơn là có căn cứ.

[11] Từ những phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn vì không có căn cứ pháp luật. Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm nhưng người kháng cáo thuộc đối tượng và có đơn đề nghị nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[12] Xét đề nghị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, của người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn, đề nghị nào phù hợp với nhận định trên thì được chấp nhận, đề nghị nào không phù hợp với nhận định trên thì không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Hoàng Văn C; giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 27-8-2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Lạng Sơn.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn ông Hoàng Văn C được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 23/01/2026./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TANDKV 5 - Lạng Sơn;
- VKSNDKV 5 - Lạng Sơn;
- THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Đương sự;
- Người TGTG khác;
-;
- Lưu: HS; Tòa DS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Chu Long Kiêm